

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về chế độ tiền thưởng áp dụng đối với
huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Liên Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06 tháng 6 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 410/TTr-SVHTTDL ngày 21 tháng 5 năm 2015 và ý kiến luận tại cuộc họp giao ban Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND thành phố ngày 03 tháng 8 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Đà Nẵng là người Việt Nam, lập thành tích tại các giải thi đấu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Chế độ tiền thưởng đối với vận động viên

a) Các môn thể thao cá nhân: Mức thưởng theo Phụ lục đính kèm.

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Mức thưởng chung bằng số lượng người tham gia môn thể thao tập thể nhân với mức thưởng tương ứng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

c) Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi), số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của Điều lệ giải: Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

2. Chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên

a) Các môn thể thao cá nhân: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng chung được tính bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải theo Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

b) Đối với các môn thể thao tập thể: Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải. Số lượng huấn luyện viên được xét thưởng được quy định như sau:

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 2 đến 5 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 6 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: Mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên.

- Đối với các đội thuộc những môn có quy định từ 13 vận động viên trở lên: Mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

c) Đối với các môn thể thao có nội dung thi đấu đồng đội (thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi): Mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này nhân với 50% mức thưởng tương ứng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

d) Đối với huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên người khuyết tật lập thành tích trong các đại hội, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật toàn quốc thì mức tiền thưởng được tính bằng 50% mức tiền thưởng đối với vận động viên.

e) Đối với huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện vận động viên đạt thành tích tại các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia thì tiền thưởng bằng 30% mức tiền thưởng vận động viên thành tích cao đạt huy chương vàng, bạc, đồng tại Đại hội Thể dục thể thao toàn quốc quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

Điều 2. Quy định chế độ tiền thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành phố Đà Nẵng là người Việt Nam, lập thành tích tại các giải thi đấu cấp quốc tế:

Mức thưởng bằng 50% mức thưởng quy định tại Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu.

Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu UBND thành phố quyết định khen thưởng từ Quỹ khen thưởng thành phố.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi trả chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu quốc gia được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp thể thao bố trí trong dự toán chi hàng năm của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 27/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của UBND thành phố Đà Nẵng về chế độ tiền thưởng, tiền công áp dụng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc thành phố Đà Nẵng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các sở: Tài chính, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Nội vụ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Đức Thơ

Phụ lục

MỨC THƯỞNG ĐỐI VỚI VẬN ĐỘNG VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 23 /2015/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: đồng

TT	Nội dung	Mức thưởng	Mức thưởng khi phá kỷ lục
1	Đại hội TDTT toàn quốc, vô địch quốc gia		
	Huy chương vàng	5.000.000	5.000.000
	Huy chương bạc	3.000.000	3.000.000
	Huy chương đồng	2.000.000	2.000.000
2	Vô địch trẻ quốc gia, VĐV dưới 12 tuổi		
	Huy chương vàng	1.000.000	1.000.000
	Huy chương bạc	600.000	600.000
	Huy chương đồng	400.000	400.000
3	Vô địch trẻ quốc gia, VĐV từ 12 đến dưới 16 tuổi		
	Huy chương vàng	1.500.000	1.500.000
	Huy chương bạc	900.000	900.000
	Huy chương đồng	600.000	600.000
4	Vô địch trẻ quốc gia, VĐV từ 16 đến dưới 18 tuổi		
	Huy chương vàng	2.000.000	2.000.000
	Huy chương bạc	1.200.000	1.200.000
	Huy chương đồng	800.000	800.000
5	Vô địch trẻ quốc gia, VĐV từ 18 đến dưới 21 tuổi		
	Huy chương vàng	2.500.000	2.500.000
	Huy chương bạc	1.500.000	1.500.000
	Huy chương đồng	1.000.000	1.000.000
6	Đại hội, giải thể thao người khuyết tật toàn quốc		
	Huy chương vàng	2.500.000	2.500.000
	Huy chương bạc	1.500.000	1.500.000
	Huy chương đồng	1.000.000	1.000.000
7	Các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp quốc gia		
	Huy chương vàng	1.500.000	1.500.000
	Huy chương bạc	900.000	900.000
	Huy chương đồng	600.000	600.000